**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**Tên chương trình: Chương trình đào tạo hệ Cử nhân chính quy**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Kinh tế - Ngoại thương**

**Mã ngành đào tạo: 52310101**

**Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**

**Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển năm 2021**

**Thời điểm xây dựng | cập nhật CTĐT: 5/2021**

# 1. GIỚI THIỆU CHUNG

## 1.1 Mục tiêu đào tạo

- PEO1: Tổ chức và điều phối chuyên nghiệp các công việc kinh doanh, dịch vụ thương mại trong nước và quốc tế tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

- PEO2: Vận dụng linh hoạt những kỹ năng chuyên môn vào thực tế để làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.

- PEO3: Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, chủ động học tập, đáp ứng khả năng thích ứng trong môi trường hợp tác quốc tế.

## 1.2 Vị trí và khả năng làm việc sau tốt nghiệp

Các vị trí chuyên viên và quản lý nghiệp vụ tại các phòng Kinh doanh, Marketing, phòng Xuất nhập khẩu, phòng Thu mua, Giao nhận, Logistics

Các vị trí phụ trách thương mại, giao dịch hợp đồng mua bán xuất nhập khẩu của các tổ chức doanh nghiệp.

Quản lý nghiệp vụ tại các đơn vị dịch vụ, cảng vụ, đại lý vận tải tàu biển, hàng không, bảo hiểm…các ngân hàng thương mại;

Các sở, ban, ngành trong hệ thống quản lý thương mại nhà nước, Hải quan, Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất..

Tự khởi nghiệp thành lập các công ty chuyên buôn bán, kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu.

Tiếp tục các cấp học cao hơn để làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và giáo dục.

## 1.3 Quan điểm xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng trên quan điểm tiếp cận năng lực đầu ra, hình thành mục tiêu đào tạo, tạo cơ hội gắn kết giữa các bên liên quan (trường đại học, nhà tuyển dụng, hiệp hội ngành nghề v.v.), đáp ứng các yêu cầu nghề nghiệp và dự báo đón đầu những thay đổi về yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh Việt nam hội nhập kinh tế sâu rộng.

Đồng nai nằm trong vùng khu vực kinh tế ngoại thương năng động miền Đông nam Bộ. Cùng với quy hoạch phát triển cảng hàng không Long Thành và cụm cảng nước sâu quốc tế, 32 KCN tại Tỉnh Đồng Nai và các KCN, KCX tại TP.HCM, Bình Dương, BR-Vũng Tàu, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực hoạt động kinh tế ngoại thương là rất lớn để đáp ứng hoạt động của các tổ chức nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các KCN, KCX tại khu vực.

Ngoài ra, nhu cầu nhân lực có trình độ tại các tỉnh lân cận như Bình Thuận, Bình Phước, Đắk-nông,...tạo nên sức hút trong hoạt động đào tạo nhân lực thực tế.

Chương trình đào tạo có sự tham khảo chương trình đào đạo của một số trường như Đại học Ngoại Thương, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

## 1.4 Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.

- Thời gian đào tạo : 3.5 năm.

# 2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

* Đối tượng 1: Xét tuyển điểm thi PTTH Quốc Gia
* Đã tốt nghiệp THPT
* Đạt điểm sàn theo quy định của Bộ GD&ĐT.
* Đối tượng 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 (hoặc học bạ lớp 10, 11, và 12)
* Đã tốt nghiệp THPT
* Tổng điểm cả năm lớp 12 >=6 (hoặc trung bình 3 năm lớp 10, 11, và 12 >=6)
* Đối tượng 3: Xét tuyển điểm thi năng lực quốc gia

# 3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Kinh tế phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra sau:

**3.1 Kiến thức**

- **PLO1:** Thể hiện sự hiểu biết chuyên môn các khái niệm cơ bản của kinh tế, tài chính, kế toán, luật kinh doanh, toán ứng dụng, khoa học quản lý và marketing;

- **PLO2:** Phối hợp thực hiện kinh doanh thương mại trong nước, quốc tế và các nghiệp vụ hỗ trợ có liên quan của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

- **PLO3:** Xây dựng các kế hoạch kinh doanh để khởi tạo các hoạt động kinh doanh cho bản thân và doanh nghiệp đáp ứng phù hợp với sự khác biệt giữa các nền văn hóa.

- **PLO4:** Đánh giá các vấn đề kinh doanh từ góc nhìn trong nước và quốc tế để hỗ trợ giải quyết các tình huống thực tiễn trong công việc.

**3.2 Kỹ năng**

- **PLO5:** Phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn với tư duy đa chiều.

- **PLO6:** Thu thập, phân tích, sắp xếp thông tin, ý tưởng và truyền đạt ý tưởng rõ ràng và trôi chảy thông qua ngôn ngữ, hình ảnh và văn bản.

- **PLO7:** Tham gia làm việc nhóm hiệu quả và phù hợp với công nghệ thông tin và truyền thông.

**3.3 Thái độ**

- **PLO8:** Thể hiện hiểu biết và tuân thủ về trách nhiệm xã hội và công dân, đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng đa dạng văn hóa trong môi trường nghề nghiệp.

- **PLO9:** Tạo thói quen tự học và nghiên cứu suốt đời để thích ứng với thực tế thay đổi.

# 4. CÁC MÔN HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI CHUẨN ĐẦU RA

## 4.1 Các môn học đại cương

| **S****T****T** | **Mã môn học** | **Tên****môn học** | **Chuẩn đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO****9** |
| 1 | 102063 | Triết học Mác - Lênin | x |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 2 | 102064 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | x |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 3 | 102065 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | x |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 4 | 102027 | Toán cao cấp C | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 102006 | Pháp luật đại cương | x |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 6 | 102037 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 102014 | Tin học đại cương | x |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 8 | 102007 | Quy hoạch tuyến tính | x |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 9 | 102033 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 10 | 102066 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | x |  |  |  |  |  |  | x |  |
| 11 | 102055 | English 1 |  |  |  |  |  | x |  |  | x |
| 12 | 102056 | English 2 |  |  |  |  |  | x |  |  | x |
| 13 | 102057 | English 3 |  |  |  |  |  | x |  |  | x |
| 14 | 102058 | English 4 |  |  |  |  |  | x |  |  | x |
| 15 | 102059 | English 5 |  |  |  |  |  | x |  |  | x |
| 16 | 102060 | English 6 |  |  |  |  |  | x |  |  | x |

## 4.2 Các môn học cơ sở ngành

| **S****T****T** | **Mã môn học** | **Tên****môn học** | **Chuẩn đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- |
| **PLO1** | **PLO 2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** |
| 1 | 125045 | Kinh tế học | x |   |   | x |   |   |   | x |   |
| 2 | 100002 | Marketing cơ bản | x |   | x |   |   |   | x | x |   |
| 3 | 100003 | Quản trị học | x | x |   |   |   |   |   |   |   |
| 4 | 125033 | Nguyên lý kế toán | x | x |   |   |   | x | x | x |   |
| 5 | 125034 | Tài chính tiền tệ | x |   |   |   |   | x | x | x |   |
| 6 | 100007 | Nguyên lý thống kê | x |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 7 | 128062 | Pháp luật về chủ thể kinh doanh  | x |   |   |   |   | x | x |   | x |
| 8 | 125046 | Hành vi tổ chức | x |   |   | x |   |   | x | x |   |
| 9 | 125048 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | x |   |   |   |   | x | x | x |   |
| 10 | 127025 | Kinh tế quốc tế | x |   |   | x |   |   | x | x |   |
| 11 | 125062 | Tin học ứng dụng trong kinh tế |   |   | x |   | x | x |   |   |   |

## 4.3 Các môn học chuyên ngành

| **S****T****T** | **Mã môn học** | **Tên****môn học** | **Chuẩn đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** | **PLO9** |
| 1 | 127005 | Đầu tư quốc tế |   | x |   | x | x |   | x | x |   |
| 2 | 127010 | Luật thương mại quốc tế |   | x |   | x | x | x |   | x |   |
| 3 | 127027 | Thanh toán quốc tế |   | x |   | x  | x |   | x |   | x |
| 4 | 127019 | Logistics |   | x |   |   |   | x | x | x |   |
| 5 | 125016 | Quản trị chiến lược | x |   | x | x |   |   |   |   |   |
| 6 | 127021 | Anh văn chuyên ngành ngoại thương 1 |   |   |   |   |   | x | x |   | x |
| 7 | 127018 | Vận tải và giao nhận ngoại thương |   | x |   | x |   |   | x |   | x |
| 8 | 125054 | Nghiệp vụ xuất nhập khẩu |   | x |   | x | x | x | x |   | x |
| 9 | 125017 | Quản trị chuỗi cung ứng |   | x | x |   | x |   | x | x |   |
| 10 | 125057 | Quản trị rủi ro |   |   | x | x | x |   |   |   |   |
| 11 | 125029 | Thương mại điện tử |   | x | x | x |   |   | x |   | x |
| 12 | 125024 | Quản trị tài chính | x |   | x |   | x |   |   |   |   |
| 13 | 125027 | Thị trường chứng khoán | x |   |   | x | x | x |   |   |   |
| 14 | 127022 | Anh văn chuyên ngành ngoại thương 2 |   | x |   |   |   | x | x |   | x |
| 15 | 125011 | Phân tích hoạt động kinh doanh |   | x | x |   |   | x |   | x |   |
| 16 | 127023 | Quản trị kinh doanh quốc tế |   |   | x | x | x |   | x | x | x |
| 17 | 127028 | Thực hành khai báo hải quan |   | x |   |   | x | x | x | x | x |
| 18 | 125052 | Khởi nghiệp và ứng dụng |   | x | x |   |   |   |   | x | x |
| 19 | 125035 | Marketing quốc tế |   | x | x | x |   | x |   | x |   |
| 20 | 125058 | Khởi sự kinh doanh |   | x | x |   |   |   |   | x | x |
| 21 | 127024 | Thực tập nghề nghiệp ngoại thương |   | x | x | x |   | x |   | x | x |

# 5. CÁC CHUỖI MÔN HỌC

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PLO | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5 | HK6 | HK7 |
| PLO1 | Kinh tế học | Tài chính tiền tệ | Kinh tế quốc tế |  |  |  |  |
| PLO1 |  | Pháp luật đại cương | Pháp luật về chủ thể kinh doanh | Luật thương mại quốc tế |  |  |  |
| PLO2 |  |  | Tin học ứng dụng trong kinh tế | Đầu tư quốc tế | Thương mại điện tử | Quản trị Kinh doanh quốc tế |  |
| PLO2 |  |  |  | Thanh toán quốc tế | Nghiệp vụ XNK/ Vận tải giao nhận ngoại thương | Thực hành khai báo hải quan |  |

#

# 6. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 6.1 Tỷ lệ các khối kiến thức

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khối kiến thức** | **Tổng số****tín chỉ** | **Ghi chú** |
| Khối kiến thức giáo dục đại cương | Lý luận chính trị | 11 |  |
| Khoa học xã hội | 2 |  |
| Ngoại ngữ | 12 |  |
| Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ | 11 |  |
| Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | Cơ sở ngành | 26 |  |
| Chuyên ngành | 48 |  |
| Tốt nghiệp | Khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp | 10 |  |
| Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa | **120** |  |

##

## Khối kiến thức giáo dục đại cương

| **Mã MH** | **Môn học**  | **Số tín chỉ**  | **Số tiết**  | **Ghichú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 102002 | Giáo dục thể chất 1 |  |  |  |  | 30 |  |
| 102003 | Giáo dục thể chất 2 |  |  |  |  | 30 |  |
| 102004 | Giáo dục thể chất 3 |  |  |  |  | 30 |  |
| 102063 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 102064 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102065 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102027 | Toán cao cấp C | 3 | 2 | 0 | 1 | 60 |  |
| 102055 | English 1 | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102006 | Pháp luật đại cương | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102037 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 2 | 1 | 1 | 0 | 60 |  |
| 102014 | Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet} | 3 | 2 | 1 | 0 | 75 |  |
| 102056 | English 2 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102057 | English 3 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102007 | Quy hoạch tuyến tính | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 102033 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102058 | English 4 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102066 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102059 | English 5 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102060 | English 6 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| **TỔNG CỘNG** | **36** | **28** | **2** | **6** | **780** |  |

## 6.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 6.3.1 Nhóm các môn học cơ sở ngành

| **Mã MH** | **Môn học**  | **Số tín chỉ**  | **Số tiết**  | **Ghichú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 125045 | Kinh tế học | 3 | 2 | 0 | 1 | 60 |  |
| 100002 | Marketing cơ bản | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 100003 | Quản trị học | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 125033 | Nguyên lý kế toán | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125034 | Tài chính tiền tệ | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125015 | Quản trị chất lượng | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 128062 | Pháp luật về chủ thể kinh doanh  | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 125046 | Hành vi tổ chức | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 125048 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 127025 | Kinh tế quốc tế | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 125062 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| **TỔNG CỘNG** | **26** | **20** | **0** | **6** | **480** |  |

### 6.3.2 Nhóm các môn học chuyên ngành

| **Mã MH** | **Môn học**  | **Số tín chỉ**  | **Số tiết**  | **Ghichú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 127005 | Đầu tư quốc tế | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 127010 | Luật thương mại quốc tế | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125021 | Quản trị nguồn nhân lực | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 127027 | Thanh toán quốc tế | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 100010 | Thuế | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 127021 | Anh văn chuyên ngành ngoại thương 1 | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 127018 | Vận tải và giao nhận ngoại thương | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125054 | Nghiệp vụ xuất nhập khẩu | 3 | 2 | 0 | 1 | 60 |  |
| 125017 | Quản trị chuỗi cung ứng | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125057 | Quản trị rủi ro | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 125029 | Thương mại điện tử | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 127022 | Anh văn chuyên ngành ngoại thương 2 | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 125011 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 127023 | Quản trị kinh doanh quốc tế | 3 | 2 | 0 | 1 | 60 |  |
| 127028 | Thực hành khai báo hải quan | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 125052 | Khởi nghiệp và ứng dụng | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125035 | Marketing quốc tế | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| **Môn tự chọn**  |   |   |   |   |   |  |
| 100007 | Nguyên lý thống kê | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | Kỳ 3 |
| 125005 | Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng |
| 127019 | Logistics | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | Kỳ 4 |
| 125016 | Quản trị chiến lược |
| 125024 | Quản trị tài chính | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | Kỳ 5 |
| 125027 | Thị trường chứng khoán |
| 125058 | Khởi sự kinh doanh | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 | Kỳ 6 |
| 127024 | Thực tập nghề nghiệp ngoại thương |
| **TỔNG CỘNG** | **48** | **33** | **0** | **15** | **945** |  |

## 6.4 Khối kiến thức tốt nghiệp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH** | **Môn học**  | **Số tín chỉ**  | **Số tiết**  | **Ghichú** |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 22222 | Tốt nghiệp | 10 | 0 | 10 | 0 | 150 |  |
| **TỔNG CỘNG** | **10** | **0** | **10** | **0** | **150** |  |

#

# 7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

## Sơ đồ mối liên hệ thứ tự học giữa các môn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HK1 (20TC)** | **HK2 (13TC)** | **HK3 (18TC)** | **HK4 (20TC)** | **HK5 (20TC)** |
| 00000 4(0,4,0)Giáo dục Quốc phòng | 102003 Giáo Dục Thể Chất 2 | 102004 Giáo Dục Thể Chất 3 | 127005 2(1,0,1)Đầu tư quốc tế127010 2(1,0,1)Luật thương mại quốc tế127025 3(3,0,0)Kinh tế quốc tế | 127021 3(3,0,0)Anh văn chuyên ngành NT1102066 2(2,0,0)Lịch sử Đảng Cộng sản VN |
| 102002 Giáo Dục Thể Chất 1125045 3(2,0,1)Kinh tế học | 102006 2(2,0,0)Pháp luật đại cương | 128062 2(2,0,0)Pháp luật về chủ thể KD |  | 127018 2(1,0,1)Vận tải và giao nhận NT |
| 102063 3(3,0,0)Triết học Mác - Lênin102065 2(2,0,0)Chủ nghĩa xã hội khoa học102064 2(2,0,0)Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 125033 2(1,0,1)Nguyên lý kế toán | 125046 2(2,0,0)Hành vi tổ chức | 125021 2(1,0,1)Quản trị nguồn nhân lực102007 3(3,0,0)Quy hoạch tuyến tính |  125054 3(2,0,1)Nghiệp vụ xuất nhập khẩu |
|  | 125034 2(1,0,1)Tài chính tiền tệ | 125048 3(3,0,0)Phương pháp NC khoa học | 127027 3(3,0,0)Thanh toán quốc tế | 125017 2(1,0,1)Quản trị chuỗi cung ứng |
| 100002 2(1,0,1)Marketing cơ bản | 102037 2(1,1,0)Lý thuyết x.suất thống kê | 125015 2(1,0,1)Quản trị chất lượng | 100010 2(1,0,1)Thuế |  |
| 100003 3(3,0,0)Quản trị học | 102014 3(2,1,0)Tin học đại cương  | 125062 2(1,0,1)Tin học ứng dụng trong KT | 102033 2(2,0,0)Tư tưởng Hồ Chí Minh | 125029 2(1,0,1)Thương mại điện tử125057 2(2,0,0)Quản trị rủi ro |
| 102027 3(2,0,1)Toán cao cấp C |  |  2(1,1,0)Môn tự chọn |  2(1,0,1)Môn tự chọn102058 2(1,0,1)English 4 |  2(1,0,1)Môn tự chọn102059 2(1,0,1)English 5 |
| 102055 2(20,0)English 1 | 102056 2(1,0,1)English 2 | 102057 2(1,0,1)English 3 |  |  |
| **HK6 (19TC)** | **HK7 (10TC)** | **TỰ CHỌN (TT)** | **TỰ CHỌN (TT)** |
| 127022 3(3,0,0)Anh văn chuyên ngành NT2 | 22222 10(0,10,0)Tốt nghiệp |  |  |
| 125011 2(1,0,1)PT hoạt động kinh doanh | **TỰ CHỌNHỌC KỲ 3****Chọn 1/2 môn học**100007 2(1,0,1)Nguyên lý thống kê125005 2(1,0,1)Kỹ năng đàm phán và soạn thảo HĐ | **TỰ CHỌNHỌC KỲ 5****Chọn 1/2 môn học**125027 2(1,0,1)Thị trường chứng khoán125024 2(1,0,1)Quản trị tài chính |
| 127023 3(2,0,1)Quản trị kinh doanh quốc tế |  |  |
| 127028 3(3,0,0)Thực hành khai báo hải quan |  |  |
| 125052 2(1,0,1)Khởi nghiệp và ứng dụng | **TỰ CHỌNHỌC KỲ 4****Chọn 1/2 môn học**125016 2(1,0,1)Quản trị chiến lược127019 2(1,0,1)Logistics | **TỰ CHỌNHỌC KỲ 6****Chọn 1/2 môn học**125058 2(2,0,0)Khởi sự kinh doanh127024 2(2,0,0)Thực tập nghề nghiệp ngoại thương |
| 125035 2(1,0,1)Marketing quốc tế |  |  |
|  2(2,0,0)Môn tự chọn102060 2(1,0,1)English 6 |  |  |  |
|  |  |  |

# 8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên đủ điều kiện được xét tốt nghiệp khi hoàn tất các yêu cầu sau:

* + - Bằng tốt nghiệp cấp 3 (chứng thực không quá 6 tháng).
		- Hoàn thành đủ số TC theo qui định (không còn nợ bất cứ TC nào).
		- Có đầy đủ 2 chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng theo quy định của Bộ.
		- Có Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin và B Ngoại ngữ theo quy định của Trường.
		- Có đủ các chứng nhận Kỹ năng mềm theo quy định của Trường.

Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn khác theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ khóa học 2020 – 2024, Ban hành theo Quyết định số 583/QĐ-ĐHLH ngày 14/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng.

# 9. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

## Kinh tế học

Môn học cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế. Môn học gồm 2 phần, (1) Kinh tế học Vi mô hướng đến các bài toán của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất; (2) Kinh tế học Vĩ mô liên quan đến các vấn đề chung của nền kinh tế quốc dân. Qua môn này, người học có thể hiểu biết các khái niệm cơ bản của kinh tế học như luật cung cầu, cơ chế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất, lạm phát, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, hệ thống tài chính tiền tệ cũng như là các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị một số kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích làm cơ sở cho việc học các môn học khác.

## Marketing cơ bản

Môn Marketing căn bản được giảng dạy nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

Marketing căn bản cung cấp cho học viên những kiến căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh bao gồm: những khái niệm cơ bản về Marketing ; các yếu tố môi trường tác động đến hành vi mua sắm của khách hàng ; các quyết định marketing và giải quỵết những vấn đề trong thực tiễn kinh doanh.

## Quản trị học

Quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm các vấn đề: Giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị. Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra, điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị & các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới

Một số ứng dụng về lý luận quản trị học đang triển khai & ứng dụng có hiệu quả trong các doanh nghiệp công ty của ngành hàng không VN, và các công ty, hãng hàng không, cảng hàng không- sân bay của các nước tiên tiến trên thế giới.

## Kinh tế quốc tế

Môn học này trình bày các lý thuyết thương mại đầu tư quốc tế, các công cụ can thiệp vào mậu dịch tự do cũng như các hình thức liên kết kinh tế quốc tế, sự dịch chuyển nguồn lực quốc tế, tài chính quốc tế giúp sinh viên nắm vững cơ sở lý luận, phân tích khoa học bản chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.

## Tài chính tiền tệ

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước: ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp; vốn, nguồn vốn, quản lý vốn, hoạt động của hệ thống ngân hàng (ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán…cho nền kinh tế.

## Nguyên lý kế toán

Trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhất về kế toán như: định nghĩa về kế toán, các khái niệm, nguyên tắc kế toán, các phương pháp kế toán, báo cáo kế toán, sổ kế toán...làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp và kế toán công, kế toán tài chính và kế toán quản trị.

## Thuế

Môn Thuế là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế với những kiến thức lý thuyết cơ bản về tài chính công và thuế; hệ thống thuế Việt Nam: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, đăng ký, kê khai, nộp, miễn, giảm, hoàn, truy thu và thủ tục nộp của các luật thuế Việt Nam hiện hành

## Hành vi tổ chức

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về về thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức và các yếu tố tác động lên có khả năng đánh giá thái độ hành vi của người lao động và có khả năng vận dụng các cách thức phù hợp để tác động đến thái độ và hành vi của người lao động theo hướng có lợi cho tổ chức.

## Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng

Môn học giúp cho sinh viên tiếp cận những quan điểm mới về thương lượng, soạn thảo hợp đồng theo đúng quy phạm pháp luật, tránh được những điểm bất lợi khi soạn thảo hợp đồng, tính toán được những quyền lợi hoặc rủi ro trên hợp đồng.

## Tin học ứng dụng trong kinh tế

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về áp dụng phần mềm thống kê SPSS, Excel nâng cao trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế kinh doanh (thực hành mã hóa và nhập liệu, kết xuất kết quả thống kê mô tả, kiểm định Độ tin cậy, kết xuất kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho dữ liệu).Viết thuyết minh kết quả và đưa ra các hàm ý chính sách từ kết quả ứng dụng nghiên cứu.

## Luật thương mại quốc tế

Luật thương mại quốc tế là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, nghiên cứu những quy định của pháp luật thương mại quốc tế công, xác định quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các quốc gia, các tổ chức quốc tế ghi nhận chủ yếu trong các điều ước quốc tế đa phương toàn cầu, khu vực hay các điều ước quốc tế song phương. Đồng thời luật thương mại quốc tế cũng nghiên cứu những quy định của pháp luật quốc gia và quốc tế, điều chỉnh các giao dịch thương mại tư như quyền và nghĩa vụ pháp lý của thương nhân trong hoạt động nhập khẩu, bảo hiểm, phân phối, vận tải, thanh toán, cạnh tranh.

## Thanh toán quốc tế

Môn học trình bày chi tiết về những kiến thức về thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh hối đoái và vận dụng nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro tỉ giá; các phương tiện thanh toán được sử dụng trong thanh toán quốc tế; nắm vững cách thức lựa chọn và sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương, đặc biệt là phương thức thanh toán L/C

## Nghiệp vụ xuất nhập khẩu

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên hiểu biết về các công tác giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài.

## Quản trị kinh doanh quốc tế

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc am hiểu môi trường kinh doanh toàn cầu, nhận diện những thách thức và tận dụng cơ hội mang đến cho các doanh nghiệp trong bối cảnh Việt nam tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung gồm 3 phần chính: quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, môi trường hoạt động của các công ty kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường thế giới; các chiến lược chức năng mà các công ty kinh doanh quốc tế thực hiện.

## Quản trị nguồn nhân lực

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nguồn nhân lực;hoạch định, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

## Quản trị chất lượng

Quản lý chất lượng (Quality Management) là môn khoa học ứng dụng liên ngành còn mới mẻ đối với Việt Nam, có vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Quản lý chất lượng đề cập đến toàn bộ các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành chất lượng sản phẩm trong tất cả các giai đoạn từ thiết kế, sản xuất đến tiêu dùng; trong đó yếu tố cơ bản nhất là con người (lãnh đạo, cán bộ, công nhân…)

## Thị trường chứng khoán

Môn học thị trường chứng khoán cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán, cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán, cơ chế giao dịch của thị trường, các sàn giao dịch chứng khoán và hàng hóa của thị trường chứng khoán. Đồng thời hướng dẫn sinh viên các phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật trên thị trường chứng khoán, để sinh viên có thể dễ dàng vận dụng vào đầu tư chứng khoán.

## Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng như: cách thức giao tiếp, trình tự đàm phán, cách phát biểu trên bàn đàm phán, cách chuẩn bị đàm phán, cách nắm vững các lợi ích cốt yếu khi đàm phán, cách vượt qua các trở ngại khi đàm phán. Sinh viên nắm bắt được mục đích soạn thảo, khung sườn của một hợp đồng cơ bản, cách thức soạn thảo các điều khoản trong hợp đồng.

## Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

## Thương mại điện tử

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, internet và website. Giới thiệu các phương thức thanh toán trong TMĐT. Bên cạnh đó nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình TMĐT.

## Logistics

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuỗi cung ứng logistics, triển khai các hoạt động lập kế hoạch, cung ứng, tồn trữ, phân phối và quản lý hàng hóa đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và kinh tế, các phương pháp tổ chức, điều hành dịch vụ vận tải đa phương thức liên quan đến xuất nhập khẩu và phân phối hàng hóa.

## Quản trị chiến lược

Môn học “Quản trị chiến lược” thuộc hệ thống kiến thức ngành quản trị. Nội dung môn học cung cấp kiến thức căn bản về các nguyên tắc quản trị chiến lược của một doanh nghiệp hoặc một tổ chức trong các nền kinh tế có định hướng phát triển lâu dài. Hệ thống kiến thức bao gồm: phương pháp nhận diện, phân tích và đánh giá các yếu tố của môi trường bên trong và bên ngoài tổ chức, xây dựng kế hoạch chiến lược (bao gồm: xác định triết lý kinh doanh, tầm nhìn chiến lược, nhiệm vụ, mục tiêu và lựa chọn kế hoạch chiến lược các cấp), cách thức tổ chức thực hiện chiến lược (như: xây dựng cơ cấu tổ chức hữu hiệu, triển khai chiến lược thành các kế hoạch tác nghiệp, điều hành các tiến trình hoạt động, xây dựng văn hóa tổ chức bền vững) và kiểm tra mang tính chiến lược các hoạt động của doanh nghiệp hay tổ chức.

## Quản trị tài chính

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản trong quản trị tài chính của doanh nghiệp như: thời giá của tiền tệ; cách đọc, phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp; phân tích, hoạch định và kiểm soát tài chính; xây dựng kế hoạch tài chính; phương thức quản trị vốn lưu động, vốn cố định,… qua đó nhận thức tầm quan trọng của quản trị tài chính trong doanh nghiệp và biết vận dụng những kiến thức môn học vào công việc và cuộc sống.

## Phân tích hoạt động kinh doanh

Môn họcnhằm trang bị cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế kiến thức về phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chương trình môn học bao gồm lý luận chung về phân tích kinh doanh và các nội dung phân tích gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: phân tích kết quả và tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành, phân tích lợi nhuận và tiêu thụ. Các nội dung phân tích thể hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế cụ thể cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

***Quản trị chuỗi cung ứng***

Quản trị chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

***Quản trị rủi ro***

Môn học quản trị rủi ro trình bày các vấn đề như: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro nhằm giúp người học có thể xếp loại rủi ro và giảm thiểu rủi ro về tài chính, về giá và đầu tư, giảm thiểu tổn thất của rủi ro..

## Anh văn chuyên ngành ngoại thương 1,2

Tăng cường kỹ năng đọc hiểu các thuật ngữ, tin tức, văn bản tiếng anh chuyên ngành ngoại thương. Giúp sinh viên truyền đạt ý tưởng về hợp đồng, thư tín giao dịch thương mại quốc tế hiệu quả bằng văn bản, hình ảnh và lời nói.

## Marketing quốc tế

Trình bày các kiến thức chuyên sâu về tiếp thị, quảng cáo và bán hàng trong hoạt động ngoại thương. Nghiên cứu các kế hoạch tiếp thị, chọn thị trường mục tiêu và chiến lược bán hàng, thiết lập mạng lưới và phát triển các tài liệu tiếp thị, bán hàng phục vụ cho nhu cầu tiếp cận và đáp ứng nhu cầu kinh doanh xuất khẩu. Sinh viên cũng được giới thiệu về qui trình, cách thức lập kế hoach tiếp thị và kiểm soát triển khai.

## Khởi nghiệp và ứng dụng

Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng phân tích, lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến những ý tưởng kinh doanh đó thành những cơ hội kinh doanh thực sự, từ đó lập kế hoạch khởi nghiệp và bắt đầu tiến hành kinh doanh; trang bị cho sinh viên những kỹ năng trình bày và bảo vệ một dự án kinh doanh. Giúp sinh viên có những kỹ năng nghiêu cứu và đánh giá các dự án kinh doanh, tính khả thi của một dự án kinh doanh

## Vận tải và giao nhận ngoại thương

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các tổ chức vận tải trên thế giới, qui trình giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, nghiệp vụ lựa chọn, đàm phán và thuê phương tiện chuyên chở hàng hóa XNK bằng đường biển, đường không, đa phương thức…, nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa trong giao dịch thương mại quốc tế, rèn luyện kỹ năng hoàn thành các chứng từ vận tải sau khi giao hàng.

## Thực hành khai báo hải quan

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các qui định pháp luật hải quan, nghiệp vụ khai báo hải quan, các quy tắc xuất xứ, kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên dùng cho khai báo hải quan điện tử, rèn luyện kỹ năng cập nhật thông tin văn bản pháp luật ứng liên quan đến lĩnh vực khai báo hải quan.

## Thực tập nghề nghiệp

Thực tập nghề nghiệp là môn học thực hành kết hợp quan sát trải nghiệm thực tế, nhằm giúp sinh viên hệ thống kiến thức lý thuyết chuyên ngành ngoại thương bước đầu tiếp cận với môi trường thực tế tại các Công ty tạo điều kiện sinh viên chủ động trong quá trình thực tập tốt nghiệp giai đoạn sau.

***Khóa luận tốt nghiệp:***

* *Hai hình thức lựa chọn” Báo cáo nghiên cứu khoa học và báo cáo thực tập tốt nghiệp*
* Báo cáo Nghiên cứu khoa học: sinh viên với sự hướng dẫn của Giảng viên cố vấn lựa chọn và đề xuất đề tài nghiên cứu. Sinh viên tham gia vào hoạt động tập sự tại các doanh nghiệp, tổ chức trong 4 tháng. Kết thúc kỳ thực tập nghiên cứu, sinh viên sẽ hoàn thành bài Báo cáo đề tài nghiên cứu và báo cáo trước hội đồng Nghiên cứu khoa học khoa.
* Báo cáo thực tập tốt nghiệp: sinh viên tham gia vào hoạt động tập sự tại các doanh nghiệp, tổ chức trong 5 tháng. Kết thúc kỳ thực tập sinh viên sẽ hoàn thành bài Báo cáo quá trình thực tập và báo cáo trước Hội đồng Báo cáo thực tập tốt nghiệp khoa.